

Số: **45/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Lê Phan A**, sinh năm: 1987. Nơi thường trú và nơi ở: Số H ngõ G T, phường T, thành phố Hà Nội.
- Chị **Công Thị Kim T**, sinh ngày: 1991. Nơi thường trú: Tổ 14 cụm B, phường P, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Tổ D cụm H, phường P, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Lê Phan A và chị Công Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/9/2016 tại UBND phường Q, quận T, thành phố Hà Nội, (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Lê Phan A** và chị **Công Thị Kim T.**

2. Về con chung:

Anh Lê Phan A và chị Công Thị Kim T xác nhận có 03 con chung là cháu Lê Nhật M, sinh ngày: 29/10/2016, cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 14/8/2021 và cháu Lê Hải D, sinh ngày: 14/8/2021. Khi ly hôn anh Phan A, chị T thống nhất thỏa thuận: Anh Phan A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nhật M, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Hải Đ và Lê Hải D. Anh Lê Phan A có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Phan A, chị T được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

Anh Lê Phan A và chị Công Thị Kim T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về các khoản vay nợ:

Anh Lê Phan A và chị Công Thị Kim T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về lệ phí Tòa án:

Chị Công Thị Kim T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0022109 ngày 31/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương